

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-ST  
Ngày 22-7-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Nguyễn Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/QĐST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1983 tại Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quốc C (đã chết); con bà: Phạm Thị H, có vợ là Trần Thị L và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Phạm Văn N, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1996, tại Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H (đã chết); con bà: Nguyễn Thị H; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Phạm Văn C, sinh ngày 15 tháng 01 năm 1992, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Phạm Văn Bấy và bà: Nguyễn Thị Huệ, có vợ là Lê Thị Mỹ Chi và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. Bùi Văn S, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1982, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Bùi Văn X (đã chết) và bà Bùi Thị M tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

5. Phạm Văn M, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1974, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Quốc Càn (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hoa, có vợ là Nguyễn Thị Yến và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

6. Lê Đăng M, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1988 tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 7, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Đăng N và bà Hoàng Thị Ch có vợ là Đào Thu Tr và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

7. Phạm Văn H, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1990, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Ch và bà Đặng Thị Q, có vợ là Nguyễn Thị Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

8. Bùi Văn Đ, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1993, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị G, có vợ là Phạm Thị N và 02 con, tiền án: Bản án số 132/2015/HSST ngày 23/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24

tháng về tội Đánh bạc, (Đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

9. Vũ H C, sinh ngày 26 tháng 10 năm 1985, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Vũ Văn V và bà Đỗ Thị L, có vợ là Phạm Thị Mai H, và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

10. Nguyễn Văn L sinh ngày 10 tháng 8 năm 1984 tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Liễu (đã chết) và bà Đinh Thị Lỗi, có vợ là Hoàng Thị Loan và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

11. Trần Văn D, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1987, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn Chv và bà Nguyễn Thị T, có vợ là Vũ Thị Thảo Ngv và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

12. Phạm Văn T, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1986, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Phạm Văn Khởi và bà Phạm Thị Mưa; tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

13. Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1986, tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn Coóng và bà Phạm Thị Tình, có vợ là Nguyễn Thị Trinh và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

14. Hoàng Thanh H sinh ngày 06 tháng 9 năm 1982 tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Xuân Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L có vợ là Vũ Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

15. Hoàng Văn T, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1979 tại H Phòng; Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Hoàng Văn Ch (đã chết) và bà **Phạm Thị Á** có vợ là Đặng Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13 tháng 01 năm 2021, đến ngày 22 tháng 01 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại nH của Phạm Văn H ở thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố H Phòng, Phạm Văn N rủ Phạm Văn C, Phạm Văn M, S, Lê Đăng M, Phạm Văn H, Bùi Văn Đ, Hoàng Thanh H, Nguyễn Văn L, Phạm Văn T, Nguyễn Mạnh H, Trần Văn D, Hoàng Văn T và Vũ H C đánh bạc dưới hình thức chơi bài “ba cây” được thua bằng tiền. Cả nhóm đồng ý và hỏi mượn nH của Phạm Văn H để đánh bạc, mỗi người tham gia chơi sẽ pH trả cho H 100.000 đồng tiền hồ. Phạm Văn H đồng ý và sắp xếp cho cả nhóm xuống nH dưới đã có thảm trải để đánh bạc, rồi đi ra ngoài. Tại đây Phạm Văn C lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây có sẵn trong nH rồi lọc bỏ các quân bài “10, J, Q, K”. Cả nhóm thống nhất chia 05 cửa chính cho 05 người là Phạm Văn N, Bùi Văn S, Phạm Văn C, Phạm Văn M, Lê Đăng M, những người còn lại sẽ đánh ké vào cửa chính và so tổng số điểm với người cầm chương, mỗi ván đặt ít nhất là 200.000 đồng, tỉ lệ được thua là 1:1. Cách thức chơi: Sau khi các cửa đặt tiền cược xong, người cầm chương sẽ chia vòng tròn lần lượt cho đến khi mỗi cửa đủ ba cây để so sánh điểm với bài của người cầm chương, ai lớn điểm hơn sẽ T cược. Quy ước quân “A” là 01 điểm, các quân từ 2 đến 9 là số điểm tương ứng, cộng tổng điểm của 03 cây bài theo thang điểm 10, nếu tổng điểm là 20 sẽ tính là 10 điểm, nếu tổng điểm từ 11 đến 19 hoặc trên 20 điểm thì tính điểm là Hng đơn vị của tổng điểm đó. Nếu bằng điểm nhau sẽ so chất của quân bài theo thứ tự từ lớn đến bé là “rô, cơ, tép, bích”, “A” là quân lớn nhất, các quân còn lại tính từ lớn đến bé là 9 đến 2. Sau khi so điểm, người cầm chương sẽ thu tiền của người thua và trả tiền cho người T. Trong khi chơi nếu ai được 10 điểm thì sẽ được làm chương cho ván tiếp theo. Cả nhóm đã chơi được nhiều ván, đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi N đang cầm chương thì bị Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ tại đám bạc số tiền 27.600.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 01 thảm màu nâu kích thước 1,5m x 2m. Ngoài ra tạm giữ của các bị cáo số tiền: 44.200.000 đồng.

Về tiền hồ, Vũ H C đã bỏ ra 100.000 đồng và gom của N, S, Phạm Văn C, Phạm Văn M, Lê Đăng M, D, Nguyễn Mạnh H, L, H, tổng số được 1.000.000 đồng tiền hồ đưa cho Phạm Văn H. T, T, H, Đ chưa đóng tiền hồ.

Về số tiền tham gia đánh bạc, các bị cáo khai: N có khoảng 16.000.000 đồng, bỏ ra khoảng hơn 4.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 11.700.000 đồng cất trong người không dùng để đánh bạc. S có khoảng hơn 15.000.000 đồng, bỏ ra khoảng hơn 4.000.000 đồng để đánh bạc, còn 11.200.000 đồng trong người không dùng để đánh bạc; Phạm Văn C mang theo khoảng 13.500.000 đồng, bỏ ra khoảng hơn 4.500.000 đồng để đánh bạc, còn 8.900.000 đồng trong người không dùng để đánh bạc; Phạm Văn M mang theo khoảng hơn 11.000.000 đồng, bỏ ra khoảng hơn 4.000.000 đồng để đánh bạc, còn 7.100.000 đồng trong người không dùng để đánh bạc; Vũ H C mang theo khoảng 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn L mang theo khoảng 3.000.000 đồng, Bùi Văn Đ mang theo khoảng hơn 1.000.000 đồng, Lê Đăng M mang theo 600.000 đồng, Trần Văn D mang theo 2.000.000 đồng, Nguyễn Mạnh H mang theo 720.000 đồng, Hoàng Văn T mang theo 600.000 đồng, Phạm Văn T mang theo 1.300.000 đồng, Hoàng Thanh H mang theo 700.000 đồng, Phạm Văn H mang theo 2.000.000 đồng, đều dùng để đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 39.100.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn N, Phạm Văn C, Bùi Văn S, Phạm Văn M, Lê Đăng M, Phạm Văn H, Bùi Văn Đ, Vũ H C, Nguyễn Văn L, Trần Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Thanh H, Hoàng Văn T phù hợp với nhau phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng gồm: 01 tấm màu nâu kích thước 1,5m x 2m; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; số tiền 31.900.000 đồng chuyển đến Chi cục Thi Hình án dân sự huyện Thủy Nguyên. Đối với số tiền 11.700.000 đồng thu của Phạm Văn N, 11.200.000 đồng thu của Bùi Văn S, 8.900.000 đồng thu của Phạm Văn C, 7.100.000 đồng thu của Phạm Văn M, 1.000.000 đồng thu của Phạm Văn H, quá trình điều tra xác định là tiền cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho N, S, C, M, H.

Tại Bản cáo trạng số 72/CT-VKSDK ngày 19 tháng 5 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Phạm Văn H về tội “Gá bạc” theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố Phạm Văn N, Phạm Văn C, Bùi Văn S, Phạm Văn M, Lê Đăng M, Phạm Văn H, Bùi Văn Đ, Vũ H C, Nguyễn Văn L, Trần Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Thanh H, Hoàng Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của Hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị

Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b,c khoản 1 Điều 322, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn N từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn C từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn S từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn M từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Đăng M từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ H C từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn L từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn D từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Mạnh H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Thanh H từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Văn T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền

đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 tấm nân kích thước 1,5mx2m; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, tịch thu sung ngân sách NH nước 31.900.000 đồng. Các bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các Hnh vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hnh vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến Hnh tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến Hnh tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người có Hnh vi phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại thôn 1, xã C, huyện Thủy Nguyên, H Phòng, Phạm Văn H dùng nH ở của mình cho các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn C, Bùi Văn S, Phạm Văn M, Lê Đăng M, Phạm Văn H, Bùi Văn Đ, Vũ H C, Nguyễn Văn L, Trần Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Thanh H, Hoàng Văn T đánh bạc có thu tiền hồ của các bị cáo 1.000.000 đồng. Hnh vi của Phạm Văn H đã phạm tội Gá bạc, quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật. Các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn C, Bùi Văn S, Phạm Văn M, Lê Đăng M, Phạm Văn H, Bùi Văn Đ, Vũ H C, Nguyễn Văn L, Trần Văn D, Phạm Văn T, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Thanh H, Hoàng Văn T đã dùng số tiền 31.900.000 đồng để đánh bạc dưới hình thức “3 cây” (trong đó có 30.900.000 đồng đánh bạc và 1.000.000 đồng nộp tiền “hồ” cho Phạm Văn H) nên các bị cáo đã phạm vào tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của Hnh vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, Hnh vi phạm tội của các bị cáo là ít nguy hiểm nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật Hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo tHnh khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn N, Phạm Văn C, Phạm Văn M, Bùi Văn S, Lê Đăng M, Hoàng Thanh H, Nguyễn Văn L, Phạm Văn T, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Văn T, Vũ H C, Trần Văn D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (có bố và ông nội tham gia kháng chiến, được NH nước tặng thưởng các Huân, Huy chương).

[4] Về hình phạt: Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết pH buộc các bị cáo pH cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về phân hóa vai trò trong vụ án đồng phạm: Đối với tội đánh bạc được xác định là vụ án đồng phạm giản đơn, nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo khi quyết định hình phạt. Trong vụ án này xác định các bị cáo đều trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo Phạm Văn N là người khởi xướng nên có vai trò cao nhất trong vụ án nên cần pH áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Bùi Văn S, Phạm Văn M, Phạm Văn C, Vũ H C, Nguyễn Văn L mang theo số tiền lớn dùng vào việc đánh bạc nên giữ vai trò chính trong vụ án và cũng là người thực Hnh tích cực nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại, nhưng thấp hơn các bị cáo Phạm Văn N. Đối với các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Mạnh H, Hoàng Văn T có vai trò thấp hơn các bị cáo khác, Các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Thanh H, là người thực Hnh tích cực có vai trò ngang nhau, nên cần áp dụng mức hình phạt ngang nhau. Bị cáo Phạm Văn H, Bùi Văn Đ có vai trò như bị cáo D, T, Nguyễn Mạnh H, Thanh H, T nhưng nhân thân các bị cáo đã có 01 tiền án (đã được xóa án tích) vì vậy cần áp dụng hình phạt bằng với bị cáo N.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 tấm màu nâu kích thước 1,5m x 2m; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; tịch thu sung Ngân sách NH nước số tiền 31.900.000 đồng.



[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc Hnh vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo pH nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b,c khoản 1 Điều 322, các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn H 30 tháng nhưng cho hưởng án treo về tội “Gá bạc”. Thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hnh án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn N 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hnh án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn C 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn S 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hnh án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn M 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hnh án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Đăng M 12 tháng tù nhưng cho hưởng

án treo về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Thủy Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Vũ H C 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn L 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Mỹ Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn D 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Mạnh H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Thanh H 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi Hình án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Bùi Văn Đ 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 tấm màu nâu kích thước 1,5m x 2m; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; tịch thu sung ngân sách NH nước số tiền 31.900.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thủy Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã C, huyện Thủy Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Mỹ Đông, huyện Thủy Nguyên
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Mai**